

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2026/HS-ST
Ngày 09-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tư

Bà Hà Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 - H.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 - H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1992 tại H; nơi ĐKHKT: Số 1/25/199 T, phường C, thành phố H; nơi ở hiện tại: Số 7/71 H, phường C, thành phố H; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức L và bà Tạ Thị T; có vợ có vợ là Nguyễn Ngọc Thiên T và 02 con; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/11/2025, chuyển tạm giam ngày 14/11/2025, đến ngày 27/12/2025 thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo Lãnh; có mặt.

- Bị hại: Chị Phạm Thị N, sinh năm 2000, nơi cư trú: Số 60/108 đường C, phường C, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 ngày 07/11/2025, Nguyễn Đức Đ một mình đi bộ ở bờ hồ Tam Bạc. Khi đang ngồi nghỉ ở ghế đá trên vỉa hè phố đi bộ Quang Trung, Hồng Bàng, H (đối diện số 140 Quang Trung), Đ nhìn thấy chị Phạm Thị Bích Ngọc, sinh năm: 2000, trú tại: Số 60/108 C, phường C, H đi bộ ngang qua, tay phải cầm dây treo 01 điện thoại di động.

Do đang nợ nần và không có tiền tiêu xài nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị Ngọc. Đ đi theo sát phía sau chị Ngọc, dùng tay chop lấy điện thoại, giật mạnh làm đứt dây. Đại cầm điện thoại vừa giật được, nhanh chóng chạy thoát qua các tuyến phố Tôn Thất Thuyết, Phan Bội Châu rồi đi bộ về khu vực hồ Lâm Tường, thuộc phường C để tìm chỗ tiêu thụ. Đ dùng tài khoản Facebook “Dai Nguyen” đăng thông tin vào các hội nhóm tìm người mua chiếc điện thoại Iphone 14 Promax, màu trắng đã qua sử dụng. Sau đó, Đại được tài khoản Facebook “Huy Hoàng” của Mai Công Cường, sinh năm: 2000, nơi ở: Số 37/243 Trần Nhân Tông, Kiến An, H nhắn tin trao đổi. Đ thông báo nhất được chiếc điện thoại nêu trên, không tìm được người mất, không có mặt khẩu, nên Cường thống nhất mua linh kiện với giá 4.200.000 đồng. Bán được điện thoại, Đ trả nợ 2.000.000 đồng cho Đoàn Thế Dương, sinh năm: 2003, nơi ở: số 10/5/80 Dư Hàng, C, H, số tiền còn lại đã chi tiêu hết. Ngày 08/11/2025, chị Ngọc đến công an phường Hồng Bàng trình báo sự việc, giao nộp 01 dây treo điện thoại màu hồng, trắng đã bị đứt. Ngày 09/11/2025, Đại đến công an phường Hồng Bàng đầu thú, giao nộp trang phục đã mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Anh Mai Công Cường tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại nêu trên, Đoàn Thế Dương tự nguyện nộp lại 2.000.000 đồng để phục vụ điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 24/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố H kết luận: “Điện thoại Iphone 14 promax màu trắng, bộ nhớ trong 512Gb, ... Máy đã qua sử dụng với giá trị: 17.300.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng)”.

Tại Kết luận giám định số 3878/KL-KTHS ngày 12/12/2025 Phòng Kỹ thuật Hình sự - CATP H đối với đoạn video trích xuất từ camrea an ninh thu được tại hiện trường, ghi nhận diễn biến vụ việc, kết luận: không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại Iphone 14 promax màu trắng, đã qua sử dụng, thuộc sở hữu hợp pháp của chị Phạm Thị Bích Ngọc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị Ngọc.

- Đối với tổng số tiền 4.200.000 đồng do Đoàn Thế Dương và chị Nguyễn Ngọc Thiên Thanh (là vợ Đại) tự nguyện giao nộp, Cơ quan điều tra trả lại cho anh Mai Công Cường.

- Đối với 01 bộ quần áo và mũ lưỡi trai Nguyễn Đức Đ mặc tại thời điểm thực hiện hành vi cướp giật tài sản, thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo. Đại có nguyện

vọng xin lại, giao gia đình quản lý nên Cơ quan điều tra đã trả lại những đồ vật trên cho chị Nguyễn Ngọc Thiên Thanh.

- Đối với 01 dây treo điện thoại màu hồng, trắng do chị Ngọc giao nộp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Thị Bích Ngọc đã nhận lại chiếc Iphone 14 nêu trên và được Đại mua bồi thường 01 dây treo điện thoại mới nên không có yêu cầu về dân sự. Anh Mai Công Cường đã nhận 4.200.000 đồng, Dương đã nhận 2.000.000 đồng do Đ và gia đình khắc phục hậu quả; không yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại Bản Cáo trạng số 93/CT-VKS ngày 14/01/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - H đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Đ về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ thể hiện không yêu cầu bị cáo bồi thường và không có yêu cầu nào khác.

Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - H tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ mức án từ 15 đến 18 tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Cướp giật tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Do nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Về việc bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết xong nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

[1] Việc khởi tố, điều tra, truy tố và ban hành quyết định khởi tố, truy tố; áp dụng biện pháp ngăn chặn; tổng đạt các văn bản tố tụng; lấy lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; thời hạn điều tra, truy tố trong tố tụng hình sự đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về căn cứ xác định tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo:

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên khoảng 18 giờ 30 ngày 07/11/2025, tại phố đi bộ Quang Trung, Hồng Bàng, H, Nguyễn Đức Đ đã lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, dùng tay giật mạnh, nhanh chóng chiếm đoạt 01 điện thoại Iphone 14 của chị Phạm Thị Bích Ngọc và nhanh chóng chạy thoát. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 24/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố H kết luận: “Điện thoại Iphone 14 promax màu trắng, bộ nhớ trong 512Gb, ... Máy đã qua sử dụng với giá trị: 17.300.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng)”. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[3] Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - H đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trị an xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng:

[5] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự .

- Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ:

[6] Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả; được người bị hại có đơn xin giảm hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy không cần thiết buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng biện pháp cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để răn đe cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về hình phạt bổ sung:

[8] Do nghề nghiệp và thu nhập của bị cáo không ổn định nên không buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

- Về vật chứng của vụ án:

[9] Đã được giải quyết xong nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[10] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Đối với Mai Công Cường, đã mua của Đại chiếc điện thoại Iphone 14 promax màu trắng nhưng không biết là tài sản do Đ phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 333; khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức Đ cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.”

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

...”.

- Về biện pháp ngăn chặn:

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh với bị cáo Nguyễn Đức Đ.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo Nguyễn Đức Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo Nguyễn Đức Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại chị Phạm Thị Bích Ngọc được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;

- Bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND Khu vực 3 – H;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- CQCSĐT Công an thành phố H;
- Cơ quan THA Hình sự Công an thành phố H;
- THADS thành phố H;
- UBND phường C, H;
- TAND thành phố H;
- PV 06 Công an thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Phương